

P. K.T.K.H

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU
HÀNG HẢI KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 275/QĐ-CTHTHHKVII

Hải Phòng, ngày 18 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2018
của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II**

CHỦ TỊCH

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC II

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 60/2014/TT-BGTVT ngày 03/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải;

Căn cứ Quyết định 3946/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-TCTBDATHHMB ngày 19/7/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II;

Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-TCTBDATHHMB ngày 19/10/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-HĐTV ngày 16/11/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc ban hành Quy trình hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt, giao Kế hoạch cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải và Kế hoạch tài chính của các Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải trực thuộc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-HĐTV ngày 14/6/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2018 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2018 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II với những chỉ tiêu sau: *(Có chi tiết thuyết minh kèm theo)*

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2018
A	Kế hoạch sản lượng		
1	Lượt tàu	Lượt	16.230
1.1	Tàu truyền thống	Lượt	15.145
1.2	Tàu bùn	Lượt	1.085
2	Tổng GTHL	Tr. GTHL	2.997
2.1	Tàu truyền thống	Tr. GTHL	2.950
2.2	Tàu bùn	Tr. GTHL	47
B	Kế hoạch tài chính		
1	Doanh thu chưa có VAT	Đồng	175.348.875.881
1.1	Doanh thu hoa tiêu	Đồng	174.348.875.881
1.1.1	Tàu truyền thống	Đồng	169.152.744.493
1.1.2	Tàu bùn	Đồng	5.196.131.388
1.2	Doanh thu khác	Đồng	1.000.000.000
2	Chi phí chưa có VAT	Đồng	124.033.613.104
3	Lợi nhuận trước thuế (LN_{TT}) = (1) – (2)	Đồng	51.315.262.777
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp = (3) x 20%	Đồng	10.263.052.555
5	Lợi nhuận sau thuế (LN_{ST}) = (3) – (4)	Đồng	41.052.210.222

Điều 2: Giám đốc Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II có trách nhiệm:

2.1. Tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2018 bảo đảm chất lượng, các yêu cầu về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, tuân thủ các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, các chế độ hiện hành của Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan trong lĩnh vực hoa tiêu hàng hải.

2.2. Lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ hoa tiêu hàng hải hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm; báo cáo đột xuất về các vấn đề về quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Công ty.

Điều 3: Các ông (bà) Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các tổ chức, cá nhân trong Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐTV Tổng công ty (để báo cáo);
- Kiểm soát viên (để phối hợp);
- Lưu HCTH.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Nguyễn Tiến Dũng
Nguyễn Tiến Dũng



TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU
HÀNG HẢI KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-CTHTHHKVII ngày 18 tháng 6 năm 2018
của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018	Ghi chú
A	Kế hoạch sản lượng			
1	Lượt tàu	Lượt	16.230	
1.1	Tàu truyền thống	nt	15.145	
1.2	Tàu bùn	nt	1.085	
2	Tổng GTHL	Tr.GTHL	2.997	
2.1	Tàu truyền thống	nt	2.950	
2.2	Tàu bùn	nt	47	
B	Kế hoạch tài chính			
I	Doanh thu chưa có VAT	Đồng	175.348.875.881	
1	Doanh thu hoa tiêu	nt	174.348.875.881	
1.1	Tàu truyền thống	nt	169.152.744.493	
1.2	Tàu bùn	nt	5.196.131.388	
2	Doanh thu khác	nt	1.000.000.000	
II	Chi phí SXKD	Đồng	88.780.730.692	
1	Chi phí nhiên liệu trực tiếp	nt	16.391.226.801	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	nt	57.599.982.725	
2.1	Lương hoa tiêu	nt	43.203.534.527	
2.2	Lương phương tiện	nt	11.889.095.958	
2.3	Các khoản trích theo lương	nt	2.507.352.240	
3	Chi phí sản xuất chung	nt	14.789.521.166	
3.1	Khấu hao TSCĐ	nt	2.308.413.887	



3.2	Chi phí dịch vụ mua ngoài	nt	12.481.107.279
3.2.1	Chi phí sửa chữa phương tiện	nt	6.293.636.364
3.2.2	Mua bảo hiểm tài sản + Đăng kiểm	nt	372.692.098
3.2.3	Thuê bến đỗ phương tiện, Trạm	nt	497.916.670
3.2.4	Chi bảo hộ lao động + đồng phục	nt	1.382.400.000
3.2.5	Định lượng	nt	1.728.850.391
3.2.6	Phụ cấp đi biển	nt	2.205.611.756
III	Chi phí quản lý DN	Đồng	35.252.882.412
1	Nhiên liệu	nt	103.937.336
2	Nhân công	nt	13.114.371.642
2.1	Lương nhân viên văn phòng	nt	9.012.798.378
2.2	Lương VCQL	nt	2.574.000.000
2.3	Các khoản trích theo lương	nt	1.037.013.264
2.4	Ăn giữa ca	nt	490.560.000
3	Khấu hao tài sản (văn phòng)	nt	711.052.468
4	Chi dịch vụ mua ngoài	nt	4.630.247.756
4.1	Sửa chữa, thay thế tài sản trụ sở Công ty	nt	1.250.000.00
4.2	Đào tạo	nt	2.020.500.000
4.3	Điện nước, điện thoại	nt	698.947.756
4.4	Trang phục, BHLĐ	nt	660.800.000
5	Chi khác bằng tiền	nt	16.693.273.210
5.1	Các khoản chi phúc lợi cho NLĐ	nt	5.342.119.072
5.2	Chi khác bằng tiền	nt	5.447.154.138
5.3	Chi BH tự nguyện, BH nhân thọ cho NQL, NLĐ	nt	5.904.000.000
IV	Chi phí chưa có VAT = II + III	Đồng	124.033.613.104
V	Lợi nhuận trước thuế = I - IV	Đồng	51.315.262.777
VI	Thuế TNDN = V * 20%	Đồng	10.263.052.555
VII	Lợi nhuận sau thuế = V - VI	Đồng	41.052.210.222